

Họ và tên:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 4

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Chữ số 6 trong số 355,464 có giá trị là:

- A. $\frac{6}{10}$ B. $\frac{6}{100}$ C. $\frac{6}{1000}$ D. 6

Câu 2. Số $30\frac{7}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 30,7 B. 30,07 C. 30,007 D. 300,7

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 67,3 tấn = kg

- A. 673 B. 6730 C. 67300 D. 6,73

Câu 4. Tỉ số phần trăm của 8 và 25 là:

- A. 0,32% B. 32% C. 320% D. 0,032%

Câu 5. 15% của 320kg là:

- A. 140kg B. 401kg C. 480kg D. 48kg

Câu 6. Hình tam giác có độ dài đáy là 10m và chiều cao là 7m. Vậy diện tích của tam giác là:

- A. $375m^2$ B. $387m^2$ C. $378m^2$ D. $35m^2$

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính

- a) $56,389 - 32,546$ b) $76,438 + 53,134$ c) $10,3 \times 2,5$ d) $45,25 : 0,5$

.....

Câu 2. Một người gửi tiết kiệm 14 000 000 đồng với lãi suất 0,8%. Hỏi sau một tháng người đó rút ra được bao nhiêu tiền? (kể cả tiền gốc).

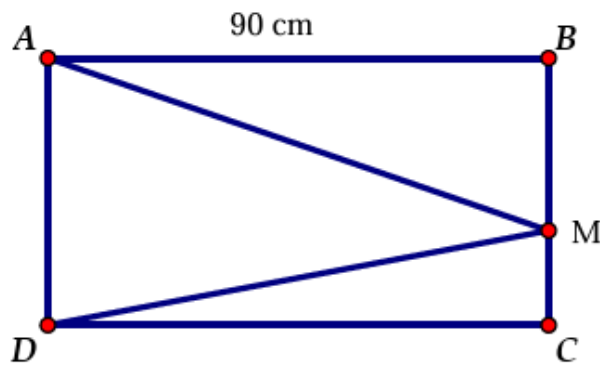
.....

Câu 3. Tính bằng cách hợp lý

a) $43,8 \times 2,4 + 43,8 \times 7,6$

b) $5,8 \times 87,3 - 5,8 \times 27,3$

Câu 4. Cho hình chữ nhật ABCD có chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Trên BC lấy điểm M bất kì. Nối hai đoạn MA và MD ta được tam giác MAD. Tính diện tích tam giác MAD.



HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Chữ số 6 trong số 355,464 có giá trị là:

- A. $\frac{6}{10}$ B. $\frac{6}{100}$ C. $\frac{6}{1000}$ D. 6

Phương pháp

Xác định hàng của chữ số 6 từ đó tìm được giá trị của chữ số đó trong số đã cho.

Lời giải

Chữ số 6 trong số 355,464 có giá trị là: $\frac{6}{100}$

Chọn B

Câu 2. Số $30\frac{7}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 30,7 B. 30,07 C. 30,007 D. 300,7

Phương pháp

Áp dụng cách viết $\frac{1}{100} = 0,01$

Lời giải

Số $30\frac{7}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là: 30,07

Chọn B

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 67,3 tấn = kg

- A. 673 B. 6730 C. 67300 D. 6,73

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1 tấn = 1 000 kg

Lời giải

67,3 tấn = 67300 kg

Chọn C

Câu 4. Tỉ số phần trăm của 8 và 25 là:

- A. 0,32% B. 32% C. 320% D. 0,032%

Phương pháp

Muốn tìm tỉ số phần trăm của a và b ta lấy $a : b$ rồi nhân kết quả tìm được với 100

Lời giải

Tỉ số phần trăm của 8 và 25 là:

$8 : 25 = 0,32 = 32 \%$

Chọn B**Câu 5.** 15% của 320kg là:

- A. 140kg B. 401kg C. 480kg D. 48kg

Phương pháp

Muốn tìm a% của một số ta lấy số đó chia cho 100 rồi nhân với a

Lời giải15% của 320kg là: $320 : 100 \times 15 = 48$ (kg)**Chọn D****Câu 6.** Hình tam giác có độ dài đáy là 10m và chiều cao là 7m. Vậy diện tích của tam giác là:

- A. $375m^2$ B. $387m^2$ C. $378m^2$ D. $35m^2$

Phương pháp

Diện tích tam giác = độ dài đáy x chiều cao : 2

Lời giảiDiện tích của tam giác là: $10 \times 7 : 2 = 35$ (m^2)**Chọn D****II. TỰ LUẬN****Câu 1:** Đặt tính rồi tính.

- a) $56,389 - 32,546$ b) $76,438 + 53,134$ c) $10,3 \times 2,5$ d) $45,25 : 0,5$

Phương pháp

Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học.

Lời giải

$$\begin{array}{r} 56,389 \\ - 32,546 \\ \hline 23,843 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 76,438 \\ + 53,134 \\ \hline 129,572 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10,3 \\ \times 2,5 \\ \hline 515 \\ 206 \\ \hline 25,75 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 45,25 \\ 25 \overline{) 90,5} \\ \underline{50} \\ 405 \\ \underline{400} \\ 50 \\ \underline{50} \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Một người gửi tiết kiệm 14 000 000 đồng với lãi suất 0,8%. Hỏi sau một tháng người đó rút ra được bao nhiêu tiền? (kể cả tiền gốc).**Phương pháp**

- Tìm số tiền lãi = Số tiền gửi : 100 x số phần trăm lãi suất
- Số tiền rút được = Số tiền gốc + số tiền lãi

Lời giải

Số tiền lãi của người đó khi rút ra sau một tháng là:

$$14\ 000\ 000 : 100 \times 0,8 = 112\ 000 \text{ (đồng)}$$

Sau một tháng người đó rút ra được số tiền là:

$$14\ 000\ 000 + 112\ 000 = 14\ 112\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 14 112 000 đồng

Câu 3. Tính bằng cách hợp lý.

a) $43,8 \times 2,4 + 43,8 \times 7,6$

b) $5,8 \times 87,3 - 5,8 \times 27,3$

Phương pháp

Áp dụng công thức: $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$

$$a \times b - a \times c = a \times (b - c)$$

Lời giải

a) $43,8 \times 2,4 + 43,8 \times 7,6 = 43,8 \times (2,4 + 7,6)$

$$= 43,8 \times 10$$

$$= 438$$

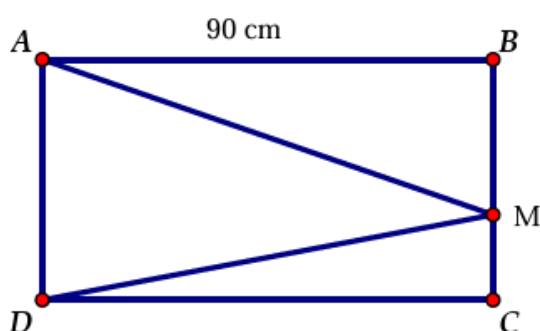
b) $5,8 \times 87,3 - 5,8 \times 27,3 = 5,8 \times (87,3 - 27,3)$

$$= 5,8 \times 60$$

$$= 348$$

Câu 4. Cho hình chữ nhật ABCD có chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Trên BC lấy điểm M bất kì. Nối

hai đoạn MA và MD ta được tam giác MAD. Tính diện tích tam giác MAD.

**Phương pháp**

- Tìm chiều rộng = chiều dài $\times \frac{2}{3}$

- Diện tích tam giác = độ dài đáy \times chiều cao : 2

Lời giải

Chiều rộng của hình chữ nhật ABCD là:

$$90 \times \frac{2}{3} = 60 \text{ (cm)}$$

Diện tích tam giác MAD là:

$$\frac{1}{2} \times AB \times AD = \frac{1}{2} \times 90 \times 60 = 2700 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 2700 cm²